

phân phức hợp đang chiếm ưu thế trong các loại phân bón hiện nay.

Ở nước ta tùy theo điều kiện nguyên liệu, điều kiện thổ nhưỡng, ta nên sản xuất các loại phân thích hợp với điều kiện của ta.

Nếu ta có mỏ lưu huỳnh hoặc mỏ Pirit sắt, hoặc nhập dễ dàng thì sản xuất diamôphat là thích hợp nhất, vì nó là loại phân tốt có hàm lượng chất dinh dưỡng cao, hòa tan hoàn toàn trong nước và thích hợp với các loại đất và là thành phần rất quan trọng trong sản xuất phân phức hợp-hỗn hợp. Còn nếu không có hoặc chưa tìm thấy, hoặc nhập có khó khăn thì nên cho sản xuất nitrophôt v1:

- Quá trình sản xuất nitrophôt không cần đến lưu huỳnh, chỉ tốn một ít bạch kim làm xúc tác cho quá trình sản xuất axit nitric.

- Là loại phân thích hợp với đại đa số đất đai canh tác của ta.

Nhược điểm của loại phân này là tính hút ẩm cao, nên khó bảo quản, phải có bao bì bằng sắt.

Tình hình chung của thế giới hiện nay là: những nước nào nghèo lưu huỳnh thì họ hướng vào việc sản xuất nitrophôt là chính. Do đó, trong điều kiện nước nhà còn nghèo, ta càng cần phải có sự suy nghĩ và tính toán kinh tế cần thận trước khi quyết định phương án sản xuất.

TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

TRỊNH VĂN THỊNH

Tổ chức mạng lưới làm công tác khoa học và kỹ thuật nông nghiệp phải thỏa mãn yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp tốt khoa học kỹ thuật tiên tiến với kinh nghiệm lâu đời của quần chúng nhân dân.

Mặt khác, tổ chức mạng lưới đó phải đảm bảo tiến hành đồng bộ và liên tục mấy mặt công tác sau đây:

1. Công tác điều tra, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm khoa học, kỹ thuật nông nghiệp nhằm tìm hiểu tài nguyên và điều kiện sản xuất làm cơ sở cho việc qui hoạch, phân vùng; giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật do sản xuất đặt ra từng thời kỳ; đưa kết quả nghiên cứu, tổng kết kỹ thuật thành những tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất.

Đề tiến hành công tác này, ngành nông nghiệp đã tổ chức những viện nghiên cứu chuyên ngành: Viện Cây lương thực và cây

thực phẩm, Viện Cây công nghiệp, cây ăn quả và cây làm thuốc, Viện Chăn nuôi... những viện nghiên cứu chuyên đề: Viện Nông hóa-thổ nhưỡng, Viện Công cụ và cơ giới hóa nông nghiệp, Viện bảo vệ Thực vật, Viện Thú y. Mỗi viện nói trên còn có những trạm nghiên cứu chuyên về một cây trồng, một con gia súc đặt ở vùng sản xuất "thỏ nơi" của nó; hoặc tổ chức mạng lưới các trạm nghiên cứu đặt ở vùng có những điều kiện tự nhiên khác nhau. Các trường đại học nông nghiệp cũng có làm nghiên cứu khoa học. Một số cơ quan nông nghiệp tỉnh, thành phố, một số nông trường quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp, cũng tham gia công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu, thực nghiệm khoa học kỹ thuật. Nhiều trường đại học, viện nghiên cứu ngoài ngành nông nghiệp cũng có những đề tài nghiên cứu phục vụ nông nghiệp, nhất là những cơ quan chuyên về các khoa học: sinh vật, hóa học, toán học, kinh tế học v.v...

Kết quả nghiên cứu của hệ thống này đã

đóng góp phần đáng kể vào những thành tựu vừa qua của sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, những kết quả ấy chưa tương xứng với vốn đầu tư và lực lượng lao động sử dụng trong công tác này, chưa đáp ứng được những yêu cầu cấp bách của việc đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Rõ nhất là khá nhiều kết quả nghiên cứu không đưa được vào sản xuất, những lạc hậu trong sản xuất vẫn chưa được thanh toán. Trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, có nguyên nhân về tổ chức hệ thống làm công tác khoa học và kĩ thuật nông nghiệp.

Hệ thống tổ chức làm công tác khoa học và kĩ thuật nông nghiệp ở ta còn quá phân tán, chưa phối hợp với nhau, chưa tập trung sức người, sức của giải quyết những vấn đề khoa học, kĩ thuật nông nghiệp then chốt và cấp bách.

Thời gian tới, trong điều kiện mới, với những yêu cầu và nhiệm vụ mới, tổ chức hệ thống làm công tác nghiên cứu khoa học và kĩ thuật nông nghiệp nên được sắp xếp lại theo một vài phương hướng dự kiến sau đây :

a) Công tác điều tra, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm khoa học, kĩ thuật nên được chỉ đạo tập trung và thống nhất trong một tổ chức có tính chất quốc gia, có thể gọi là *Viện nghiên cứu khoa học và kĩ thuật Nông nghiệp Việt-nam*. Viện quốc gia này bao gồm những cơ sở nghiên cứu đồng bộ, đáp ứng được những yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học nói chung và những yêu cầu, tính chất cụ thể của sản xuất nông nghiệp nói riêng. Những cơ sở đó là :

- Những viện nghiên cứu chuyên ngành về từng loại cây trồng hay vật nuôi, với nhiệm vụ phải giải quyết toàn diện, từ sản xuất đến chế biến, cả kinh tế và kĩ thuật. Những viện này có thể đặt những trạm nghiên cứu những cây con cụ thể, ở những vùng sản xuất khác nhau, phù hợp với tính địa phương của sản xuất nông nghiệp, bảo đảm cho qui trình sản xuất, tiêu chuẩn kĩ thuật đã kết luận được có thể áp dụng chung cho cả nước.

- Những viện nghiên cứu chuyên đề về từng bộ môn kĩ thuật, giải quyết những vấn đề khoa học, kĩ thuật chung cho tất cả các loại cây, con (cơ khí, bảo vệ thực vật, thú i, nông hóa thổ nhưỡng.v.v...)

- Những bộ môn nghiên cứu cơ bản nhằm phát hiện những đặc điểm, qui luật chung về các mặt sinh lí, sinh thái, sinh hóa, di truyền... cho tất cả các loại cây trồng và vật nuôi; nghiên cứu ứng dụng những bộ môn

khoa học cơ bản (toán, lí, hóa, sinh vật) vào nông nghiệp.

b) Xuất phát từ nguyên tắc : các biện pháp kĩ thuật nông nghiệp phải được áp dụng một cách tổng hợp trên một cây trồng hay vật nuôi, trong những điều kiện tự nhiên, kinh tế nhất định, với một phương thức sản xuất nhất định mới đem lại hiệu quả kinh tế cao, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng tốt và giá thành hạ, do đó, Viện quốc gia nói trên cần tổ chức ở mỗi vùng địa lí và vùng sản xuất những *trung tâm nghiên cứu thực nghiệm theo vùng* để xác định những tiến bộ kĩ thuật, những qui trình sản xuất và tiêu chuẩn kĩ thuật thích hợp cho vùng đó. Mặt khác, áp dụng đồng thời các biện pháp cơ khí, giống mới, tưới nước, bón phân, nuôi dưỡng, bảo vệ sản xuất... vào những thời vụ thích hợp cho từng loại đối tượng sản xuất ở từng vùng.

Những kết quả nghiên cứu của các viện, trạm theo từng chuyên ngành hay chuyên đề; những kết quả nghiên cứu, thực nghiệm ở các trung tâm thuộc từng vùng lớn sẽ được vận dụng vào điều kiện cụ thể của từng tỉnh, huyện... thông qua mạng lưới thực nghiệm kĩ thuật. Đó chính là cách tổ chức chuyển tiếp từ nghiên cứu khoa học tới việc đưa tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất.

c) Để khắc phục những thiếu sót hiện nay trong quản lí công tác nghiên cứu khoa học và kĩ thuật nông nghiệp, Viện quốc gia này cũng phụ trách các mặt sau đây chung cho toàn bộ hệ thống nghiên cứu : kế hoạch, trang bị, thiết bị, vật tư, cán bộ, kinh phí, thư viện, thông tin khoa học, v.v... Viện này cũng đảm nhận việc liên hệ với những cơ quan ngoài ngành nông nghiệp có những đề tài nghiên cứu phục vụ nông nghiệp; tổ chức hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, kĩ thuật nông nghiệp; tham gia với hệ thống các trường, lớp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân khoa học, kĩ thuật nông nghiệp.

4. Công tác nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và kĩ thuật nông nghiệp còn được tiến hành ở những cơ quan khác ngoài hệ thống viện, trạm nói trên. Các trường đại học, ngoài nhiệm vụ nghiên cứu những đề tài có tác dụng cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy, còn có thể tham gia công tác điều tra cơ bản nếu được phân công. Các cơ quan nông nghiệp lĩnh, ngoài việc thực nghiệm lại những kết quả nghiên cứu của trung ương trong điều kiện địa phương, có thể nhận một phần đề tài của các viện, nhất là những đề tài phục vụ sản xuất của chính

địa phương mình. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, công ti, nông trường, xí nghiệp cần tiến hành thực nghiệm để không ngừng cải tiến qui trình, thao tác, nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Tất cả những công việc trên đều nằm trong chương trình điều tra, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm chung do Viện quốc gia nói trên, phối hợp và hướng dẫn về phương pháp cũng như đánh giá kết quả nghiên cứu.

2. Đưa tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp là mặt quan trọng nhất, vì nó bảo đảm hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học, kĩ thuật. Nó cũng là mặt công tác phức tạp và khó khăn nhất, vì phải được tiến hành trên toàn bộ địa bàn sản xuất, đòi hỏi phải có những cơ sở vật chất, kĩ thuật cần thiết, phải không ngừng nâng cao kĩ năng của người lao động trực tiếp sản xuất, phải thông qua các chế độ quản lí kinh tế của Nhà nước và trình độ quản lí của những tập đoàn sản xuất.

Đến nay, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống tổ chức, được gọi chung là các «trạm, trại, địa phương» với số lượng trên 500 (riêng ở miền Bắc), với hàng nghìn cán bộ, công nhân các loại. Nhiều nhất là các trại giống từ trung ương đến tỉnh huyện và cơ sở sản xuất, có nhiệm vụ chọn lọc, nhân giống theo thứ tự từ nhiều đến ít: trại nhân giống lúa, lợn, cá, dầu tằm. Hệ thống bảo vệ thực vật và thú y có thời kì đã được tổ chức đến huyện ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc, nhưng qua những năm chiến tranh, và cũng do chưa được quan tâm xây dựng và củng cố, đến nay đã bị «khuyết» và lỏng lẻo đi nhiều. Cũng đã bắt đầu tổ chức hệ thống các trạm nông hóa thổ nhưỡng để điều tra đất và hướng dẫn cải tạo, sử dụng đất.

Hệ thống tổ chức đưa tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất nói trên thực sự đã phát huy tác dụng trong phong trào thâm canh lúa với những giống lúa mới; phong trào nuôi lợn lai kinh tế, nuôi cá tăng sản; đã đóng góp vào những thành tích phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh, bảo vệ sản xuất. Đáng lẽ những kết quả này phải nhiều hơn và rộng hơn nếu hệ thống này được đầu tư thích đáng và quản lí chặt chẽ. Nhược điểm chính của hệ thống này là: xây dựng không đồng bộ, thiếu hoàn chỉnh, nhiều khi tùy tiện, nhiệm vụ không rõ, qui mô quá nhỏ, trang bị, thiết bị sơ sài, cán bộ và công nhân không đủ hoặc trình độ yếu, nhất là chưa có những qui định chặt chẽ về nội dung và phương pháp

hoạt động, chưa được kiểm tra thường xuyên.

Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 61/CP ngày 5 tháng 4 năm 1976 về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lí nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã đặt rõ vị trí và yêu cầu tổ chức lại hệ thống này. Nghị quyết nêu rõ: «Trên cơ sở qui hoạch và tổ chức lại sản xuất mà xem xét thêm về qui mô từng trạm, trại kinh tế - kĩ thuật nông nghiệp; có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cơ sở vật chất - kĩ thuật cho hệ thống đó. Trên cơ sở bố trí sản xuất cụ thể, soát xét lại các cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện có, từng bước xây dựng, bổ sung thành mạng lưới kinh tế - kĩ thuật trên địa bàn huyện một cách đồng bộ và dần dần hoàn chỉnh».

Riêng về nông nghiệp, Nghị quyết còn nêu: «Mạng lưới kinh tế - kĩ thuật bao gồm:

- Hệ thống thủy nông hoàn chỉnh trên địa bàn huyện, gắn với hệ thống thủy nông của vùng lớn trong tỉnh.

- Hệ thống các trại giống cây, con; các trại thú y, bảo vệ thực vật; trạm cơ khí nông nghiệp và sửa chữa.

- Hệ thống các cơ sở sửa chữa nông cụ, cơ sở chế biến nông sản, chế biến thức ăn cho chăn nuôi...».

Thời gian tới, chúng ta chưa thể tổ chức lại và củng cố ngay một lúc tất cả các hệ thống này mà nên ưu tiên kiện toàn một số hệ thống sau đây:

a) Trong hệ thống giống cây trồng, nên ưu tiên xây dựng hệ thống giống lúa thông suốt từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm thực hiện đầy đủ những tiến bộ kĩ thuật về giống lúa: mùa vụ nào cũng có đủ giống đạt tiêu chuẩn cho tất cả các địa phương, cung cấp đủ loại giống cần thiết cho từng vùng sản xuất. Cần phân công những trại giống thuộc trung ương chọn lọc, nhân giống nguyên chủng hoặc giống cấp 1; ở tỉnh, huyện thì thấp dần cho đến giống sản xuất với khối lượng lớn. Nhà nước đã ban hành tiêu chuẩn về giống lúa, cần theo những qui định trong tiêu chuẩn này mà tổ chức hệ thống giống lúa.

Đối với những loại giống cây trồng khác: khối lượng dùng tương đối ít (thuốc lá sợi vàng, rau xuất khẩu...). Nhà nước cần tập trung xây dựng một vài trại cung cấp giống cho cả nước. Trong điều kiện hiện nay, không phải hợp tác xã nào cũng đủ điều kiện nhân giống, giữ giống cho khối lần giống, thoái hóa, do đó Nhà nước nên tổ chức sản xuất giống thuần, định kì đổi giống cho hợp tác xã.

b) Trong hệ thống giống vật nuôi, trước hết nên xây dựng và củng cố hệ thống giống lợn và giống cá. Cần phân công cho những trại trực thuộc trung ương chọn lọc và nhân giống thuần chủng, rồi xuống tỉnh, huyện thì thấp dần cho đến giống đưa nuôi lấy thịt. Các trại này không nhất thiết phải trực tiếp sản xuất con giống, mà chỉ cung cấp những nguyên liệu — chẳng hạn cung cấp tinh dịch lợn giống được ngoại lai kinh tế với lợn nái địa phương để sản xuất lợn lai kinh tế thương phẩm. Hệ thống trại nhân giống lợn cần được tổ chức cùng với hệ thống trạm truyền giống.

Cũng cần chú ý những loại giống khác: các giống cây phân xanh như bèo dâu, điền thanh; các giống cây, giống vi sinh vật cung cấp cho các địa phương chế thuốc tiêm phòng tại chỗ... Tùy theo tính chất từng loại, Nhà nước cần tổ chức cung cấp những giống này từ trung ương, với chất lượng được kiểm tra nghiêm ngặt; hoặc giao cho tỉnh tổ chức cung cấp các loại giống cây phân xanh, cây thức ăn gia súc v.v...

Về mặt thú y, công tác quản lý và kiểm tra kỹ thuật bao gồm kiểm tra thi hành luật lệ Nhà nước về phòng dịch bệnh, kiểm dịch súc vật và các sản phẩm chăn nuôi xuất nhập khẩu và vận chuyển nội địa; kiểm tra thịt, sữa, trứng, những thực phẩm nguồn gốc động vật khác để bảo đảm giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng. Để làm cả hai chức năng này, hệ thống tổ chức công tác thú y gồm các xí nghiệp chế thuốc thú y, các trạm thú y tỉnh, huyện, các trạm chẩn đoán bệnh ở trung ương và các vùng lớn; các trạm kiểm dịch xuất, nhập khẩu và nội địa, các lò sát sinh...

Đặc điểm của công tác thú y là phải thực hiện tại ngay cơ sở chăn nuôi, và có nên chữa hay không còn tùy thuộc hiệu quả kinh tế của việc chữa bệnh và giá trị kinh tế của con vật. Kinh nghiệm những năm qua cho thấy, cần thiết phải kết hợp mạng lưới tổ chức thú y của Nhà nước với hệ thống công tác thú y do nhân dân tự tổ chức, tức là mạng lưới cán bộ thú y, tử thuốc và túi thuốc thú y ở xã, hợp tác xã do nhân dân đài thọ.

Hệ thống tổ chức công tác bảo vệ thực vật, nói chung, tương tự hệ thống thú y, bao gồm các xí nghiệp chế tạo thuốc và dụng cụ, các trạm dự tính dự báo sâu bệnh, các trạm kiểm dịch thực vật v.v...

c) Những hệ thống khác: các trạm nông hóa — thổ nhưỡng, các trạm cơ khí nông nghiệp và sửa chữa... không tổ chức ở tất cả các địa phương, mà chỉ tổ chức theo vùng.

Nhiệm vụ của hệ thống này cũng có những điểm đặc biệt: các trạm nông hóa — thổ nhưỡng, ngoài nhiệm vụ hướng dẫn cải tạo đất, canh tác trên những loại đất đặc biệt (đất khô, đất dốc), còn có nhiệm vụ điều tra, phân hạng đất, tức là tham gia một phần vào công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học.

Yêu cầu quan trọng nhất đối với tất cả các hệ thống nói trên là phải xây dựng đồng bộ và hoàn chỉnh từ trung ương đến cơ sở sản xuất, nhiệm vụ phải rõ ràng và thống nhất, qui mô trang bị, thiết bị, lực lượng lao động, vật tư, kinh phí... phải giống nhau về căn bản, các phương pháp hoạt động, quan trắc, ghi chép phải theo mẫu thống nhất. Đây là những hệ thống tổ chức phải bảo đảm thực hiện những qui định kỹ thuật do Nhà nước ban hành. Chỉ có hoạt động theo những qui định thống nhất thì những kết quả thu được mới có giá trị về khoa học và pháp lý, những tài liệu thu được mới có thể tổng kết thành qui luật, mới sử dụng làm căn cứ khoa học cho nhiều mặt công tác khác.

3. Công tác quản lý và kiểm tra kỹ thuật trong ngành nông nghiệp rất phức tạp, nó bao gồm nhiều đối tượng, nhiều loại cây trồng, nhiều loại vật nuôi, nhiều khâu công tác; lại càng phức tạp vì còn nhiều thành phần kinh tế, nhất là kinh tế phụ gia đình xã viên.

Đến nay ngành nông nghiệp đã ban hành khoảng 80 qui định về các loại cây trồng và vật nuôi chính: một số qui phạm, qui trình sản xuất những sản phẩm nông nghiệp chính dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa xuất khẩu; một số tiêu chuẩn kỹ thuật... một vài tỉnh đã vận dụng những văn bản này, xây dựng thành những qui định thích hợp cho địa phương mình. Những qui định này đã có tác dụng đối với một số ngành sản xuất (trồng lúa, nuôi lợn) nhất là ở khu vực kinh tế quốc doanh. Nhưng những qui định này ban hành chưa đầy đủ và đồng bộ, rất ít được thực hiện trong thực tiễn sản xuất. Ngoài những nguyên nhân về chỉ đạo yếu, về thiếu cơ sở vật chất kỹ thuật, thiếu những chính sách khuyến khích áp dụng, một nguyên nhân quan trọng là chưa có tổ chức chuyên trách về quản lý và kiểm tra kỹ thuật thông suốt từ trung ương đến cơ sở trong ngành nông nghiệp.

Thời gian tới, nên tập trung tổ chức hệ thống quản lý và kiểm tra kỹ thuật đối với những loại sản phẩm chính có tầm quan trọng nhất định đối với nền kinh tế quốc dân.

Tổ chức này sẽ mở rộng và hoàn chỉnh dần.

Trước hết, cần tổ chức hệ thống quản lý và kiểm tra kỹ thuật về giống—vật tư sản xuất chủ yếu có tác dụng quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm. Hiện nay, tình trạng dùng giống xấu còn phổ biến, lẫn giống, giống nầy mầm kém, làm cho ruộng lúa thành nhiều tầng, cỏ dại lẫn vào lúa, hạt cỏ lẫn vào hạt lúa vụ này qua vụ khác. Những trại giống, do thiếu điều kiện vật chất, có khi sản xuất giống xấu hoặc giống xuống cấp. Có địa phương tạo giống, nhân giống, phổ biến giống một cách tùy tiện, không thông qua xét duyệt đúng thủ tục; nhập giống từ nước ngoài, từ tỉnh khác đến, không thông qua những nguyên tắc cần thiết.

Tổ chức hệ thống quản lý và kiểm tra giống bao gồm những hội đồng xét duyệt và công nhận giống, những phòng thí nghiệm kiểm tra giống các cấp được trang bị những dụng cụ, thiết bị kỹ thuật để đánh giá giống. Nhà nước cần ban hành những qui định về tiêu chuẩn giống các cấp, những mẫu sổ sách quản lý giống, những thủ tục công nhận giống, chỉ cho phép sử dụng những giống nhất định trong sản xuất, với những điều kiện cụ thể về mùa vụ, địa phương, đất đai v.v...

Như đã nói trên, hệ thống công tác thú y, bảo vệ thực vật cũng đồng thời là hệ thống quản lý và kiểm tra kỹ thuật. Cùng với những điều lệ đã ban hành về thú y và bảo vệ thực vật, phải nghiên cứu ban hành thêm những điều lệ còn thiếu, bổ sung những văn bản đã có cho phù hợp tình hình sản xuất cả nước. Cũng cần nói thêm, trước ngày giải phóng, ở miền Nam hầu như không có những qui định cần thiết về thú y và bảo vệ thực vật, hoặc có trường hợp văn dùng những qui định cũ từ thời thuộc Pháp. Ví dụ: luật lệ về cảnh sát dịch tễ gia súc.

Nền nông nghiệp đi lên sản xuất lớn, ngay từ bây giờ đã đòi hỏi phải quản lý và kiểm tra kỹ thuật nhiều loại vật tư dùng trong nông nghiệp, ví dụ: các loại phân bón, thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu bệnh, dịch bệnh sản xuất trong nước hay nhập khẩu, phải quản lý và kiểm tra từ khâu sản xuất đến khâu bảo quản, để khi đưa ra sử dụng, những loại vật tư này còn đầy đủ chất lượng, không gây hại đến sức khỏe và an toàn cho người, cây trồng, gia súc. Mặt khác, sản phẩm nông nghiệp sản xuất ngày càng nhiều loại, hoặc để tiêu thụ ngay, hoặc để làm nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa cho xuất khẩu..., cần được kiểm tra ở các khâu sản xuất, chế biến, dự trữ... để bảo

đảm tiêu chuẩn, chất lượng và giá trị sử dụng.

Ngoài những tổ chức, những cơ sở, những qui định pháp lý, cũng cần xây dựng một đội ngũ nhân viên kỹ thuật các cấp đủ quyền hạn và trách nhiệm, đủ khả năng để làm công việc này. Cũng cần phổ biến sâu rộng trong quần chúng những kiến thức cần thiết để mọi người hiểu rõ tầm quan trọng và nội dung của công việc này. Chỉ có quần chúng tham gia rộng rãi vào công tác kiểm tra kỹ thuật, phát hiện những trường hợp vi phạm trên tinh thần tự giác thì việc kiểm tra mới có kết quả, ngăn ngừa được những hành động vi phạm pháp luật, làm hại đến sức khỏe nhân dân, đến tài sản Nhà nước và nhân dân.

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật trong ngành nông nghiệp cần được đặc biệt coi trọng.

Cho đến nay, ngành nông nghiệp đã đào tạo được hàng vạn cán bộ đại học, hàng chục vạn cán bộ trung học, cán bộ sơ cấp và kỹ thuật viên thuộc tất cả các ngành khoa học, kỹ thuật nông nghiệp và cán bộ môn quản lý kinh tế nông nghiệp. Trong nhiều năm, đã liên tục tổ chức những hình thức huấn luyện, tập huấn, bồi túc cho công nhân nông trường, xã viên hợp tác xã và cán bộ nông nghiệp hoạt động ở cơ sở. Từ ngày giải phóng, chúng ta đã tiếp quản một số trường nông nghiệp ở miền Nam.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật đào tạo ở miền Bắc, thực sự đã đóng góp phần đáng kể vào những thành tích của sản xuất nông nghiệp, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Nhưng tác dụng của đội ngũ này đối với sự nghiệp phát triển sản xuất và xây dựng khoa học kỹ thuật nông nghiệp còn hạn chế, một phần do những thiếu sót trong hệ thống tổ chức đào tạo.

Thời gian tới, chúng ta phải xây dựng qui hoạch đào tạo cán bộ và công nhân; bồi dưỡng kiến thức về khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế cho những người trực tiếp sản xuất. Căn cứ những yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp phát triển sản xuất nông nghiệp và dựa vào những dự báo đáng tin cậy về phát triển khoa học, kỹ thuật nông nghiệp nước ta, phù hợp với phương hướng phát triển chung của khoa học, kỹ thuật nông nghiệp thế giới, từ đó mà tổ chức và từng bước củng cố hệ thống đào tạo của ta một cách thiết thực, sát với yêu cầu và khả năng từng giai đoạn.

Đội ngũ cán bộ và công nhân nông nghiệp cần được đào tạo đồng bộ, chú trọng những cán bộ khoa học « đầu đàn », đủ sức giải quyết các vấn đề khoa học, kĩ thuật đặt ra cho nông nghiệp nước ta, chú trọng hơn đối với đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế và công nhân kĩ thuật mà từ trước ta chưa coi trọng đúng mức. Tổ chức các trường lớp, các điều kiện về chương trình, giáo trình, thầy dạy, cơ sở thực hành, thực tập, phải đáp ứng với mục đích đào tạo; chưa nên mở trường khi chưa đủ điều kiện, tránh tình trạng đào tạo chỉ có số lượng, chất lượng không bảo đảm.

Đối với các trường đại học nông nghiệp hiện có trong cả nước, nên sắp xếp lại, chọn lấy một trường có đủ điều kiện nhất để củng cố, giao nhiệm vụ đào tạo những cán bộ nghiên cứu khoa học và giảng dạy; đào tạo những kĩ sư trưởng, những thanh tra kĩ thuật phụ trách các hệ thống tổ chức đưa tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất, quản lí và kiểm tra kĩ thuật; đào tạo cán bộ quản lí kinh tế đủ sức phụ trách các cơ quan nông nghiệp ở tỉnh, huyện, các nông trường và xí nghiệp lớn. Các trường đại học khác thì giao cho đào tạo những kĩ sư thực hành; có thể nghiên cứu hướng việc đào tạo của mỗi trường vào những yêu cầu thực tế của sản xuất nông nghiệp từng địa phương, từng vùng sản xuất lớn, hoặc chuyên về một loại cây trồng, vật nuôi nhất định.

Việc đào tạo cán bộ giúp việc cho các hệ thống nghiên cứu khoa học, chỉ đạo và quản lí kĩ thuật nên lấy từ những cán bộ đại học và trung học từ các trường khác nhau giao cho các viện, cục hữu quan bồi dưỡng để dùng cho chính hệ thống của mình. Cũng có thể tổ chức một số trường trung cấp do trung ương trực tiếp phụ trách để cung cấp cán bộ cho những nhu cầu này.

Việc đào tạo cán bộ trung cấp kĩ thuật và quản lí kinh tế nên giao cho các tỉnh, với mục đích và chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của địa phương. Nói chung, các trường này đào tạo những cán bộ trung cấp thực hành.

Trước mắt căn cứ vào yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp để tổ chức các trường, lớp nhằm đào tạo đủ công nhân kĩ thuật cho các ngành chăn nuôi nói chung và nuôi cá, nuôi tằm, cơ khí, chế biến, xây dựng... trong nông nghiệp. Cần nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm của nhiều nước để tổ chức đào tạo có hệ thống những người lao động nông nghiệp thành những người « thợ nông

ng nghiệp » có đủ khả năng tiến hành lao động sản xuất « có kĩ luật, có kĩ thuật, có năng suất cao », những con người mới xã hội chủ nghĩa trong sản xuất nông nghiệp.

...

Bốn hệ thống tổ chức trong mạng lưới công tác khoa học kĩ thuật nông nghiệp trên đây không tách rời nhau, trái lại, giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ nhằm mục đích chung là thúc đẩy tiến bộ kĩ thuật, biến nó thành những « thói quen mới » trong sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng từng bước nền khoa học, kĩ thuật nông nghiệp nhiệt đới của nước ta. Tổ chức càng rộng khắp và bao gồm nhiều tính chất thì việc phân công, phối hợp và quản lí càng đặt ra cấp bách.

Về mặt quản lí bộ máy Nhà nước, trong báo cáo đọc trước Quốc hội khóa 6, kì họp thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn nói: « Với tư cách là một tổ chức hoạt động và quản lí kinh tế, cơ cấu của Nhà nước phải được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của chế độ quản lí và kế hoạch hóa theo ngành với quản lí và kế hoạch hóa: tập trung dân chủ, kết hợp quản lí và kế hoạch hóa theo ngành với quản lí và kế hoạch hóa theo địa phương, kế hoạch hóa ở trung ương, ở các địa phương và ở cơ sở... ». Mạng lưới tổ chức công tác khoa học kĩ thuật nông nghiệp cũng phải được quản lí và kế hoạch hóa theo những nguyên tắc ấy.

Như trên đã nói, công tác điều tra, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm khoa học kĩ thuật nông nghiệp cần được thống nhất quản lí ở trung ương. Các địa phương thực hiện những mặt công tác này, coi như được trung ương phân công để giải quyết những yêu cầu cụ thể của địa phương, hoặc giải quyết một bộ phận đề tài nghiên cứu của trung ương, phục vụ chung cho cả nước. Như thế sẽ tránh phân tán lực lượng nghiên cứu mà hiện nay chúng ta còn thiếu; tránh phân tán trang bị thiết bị, nhất là tránh việc tiến hành nghiên cứu theo những phương pháp khác nhau, không thể tổng kết, so sánh được; tránh những kết quả nghiên cứu khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, gây ra những hỗn loạn trong sản xuất.

Việc chỉ đạo những tổ chức có nhiệm vụ đưa tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất, chủ yếu thuộc chức năng của các cơ quan nông nghiệp tỉnh, huyện.

Riêng về hệ thống quản lý và kiểm tra kỹ thuật, một hệ thống tổ chức có tính chất pháp lý chặt chẽ, phải được tổ chức và hoạt động theo những qui định nghiêm ngặt chung cho cả nước, phải được phân cấp cho địa phương quản lý ở những mức độ khác nhau. Nói chung, những qui định kỹ thuật như các qui phạm, qui trình, tiêu chuẩn, chế độ, định mức, thiết kế kỹ thuật v.v... đều do trung ương ban hành, các địa phương chỉ vận dụng

cho thích hợp với hoàn cảnh địa phương, không được trái với những qui định của trung ương.

Trên đây là một số suy nghĩ về vấn đề tổ chức công tác khoa học, kỹ thuật nông nghiệp, chúng tôi mong các đồng chí ở các ngành, các cấp có liên quan cùng tham gia thảo luận để giúp Nhà nước có cơ sở kiện toàn hệ thống tổ chức này.

TIÊU CHUẨN HÓA VỚI CẢI TIẾN QUẢN LÝ XÍ NGHIỆP

HOÀNG MẠNH TUẤN

Ngày 24 tháng 7 năm 1976 Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã duyệt dự thảo Điều lệ quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, dự thảo Chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và quyết định tiến hành thí điểm ở một số xí nghiệp công nghiệp nhằm rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản trên để ban hành chính thức, áp dụng rộng rãi trong các xí nghiệp khác (1).

Việc tiến hành thí điểm này là một bước rất quan trọng trong việc thực hiện chủ trương cải tiến quản lý xí nghiệp của Trung ương Đảng nhằm chuyển từ lối hành chính cung cấp sang kinh doanh hạch toán, từ cách tổ chức quản lý xí nghiệp phân tán, lỏng lẻo sang nề nếp quản lý mới, tập trung, có tổ chức, có kỷ luật.

Đề chuẩn bị cho việc cải tiến quản lý xí nghiệp, trong mấy năm gần đây, Nhà nước đã lần lượt ban hành một số điều lệ về các mặt quản lý kỹ thuật trong xí nghiệp như Điều lệ công tác tiêu chuẩn hóa, Điều lệ quản lý đo lường và Điều lệ về kiểm tra chất lượng sản phẩm ở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin đề cập tới một số vấn đề của công tác tiêu chuẩn hóa cần được lưu ý trong quá trình thực hiện

các dự thảo Điều lệ quản lý xí nghiệp và Chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là khâu tổ chức cơ bản của hệ thống kinh tế quốc dân, là nơi trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và đóng góp tài chính cho Nhà nước. Hoạt động cơ bản của các xí nghiệp là sản xuất ra sản phẩm. Những sản phẩm này vừa phải có đủ số lượng và chủng loại theo kế hoạch được giao, vừa phải bảo đảm đúng những tiêu chuẩn chất lượng được qui định, đáp ứng tốt yêu cầu của các nơi sử dụng, mang lại hiệu quả cao cho nền kinh tế quốc dân.

Điều 24 của dự thảo Điều lệ quản lý xí nghiệp đã qui định: « *Tất cả những sản phẩm chính của xí nghiệp đều phải có tiêu chuẩn và các định mức kinh tế, các qui trình, qui định kỹ thuật để làm căn cứ chỉ đạo và tiến hành sản xuất* ».

Tiêu chuẩn hóa là cơ sở quan trọng trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh ở xí nghiệp. Điều 1 của bản Điều lệ về công tác

(1) Chỉ thị số 311 TTg ngày 24-7-1976 về việc làm thí điểm Điều lệ quản lý xí nghiệp và Chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp.